

Số: **758** /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày **15** tháng 02 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại văn bản số 270/SNN-VP ngày 29/01/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 95 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của thành phố Hà Nội (trong đó: 87 thủ tục cấp Sở; 06 thủ tục cấp huyện; 02 thủ tục cấp xã); bãi bỏ 82 thủ tục hành chính lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của thành phố Hà Nội (trong đó 02 thủ tục cấp Thành phố; 73 thủ tục cấp Sở; 04 thủ tục cấp huyện; 03 thủ tục cấp xã).

(có chi tiết phụ lục kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các thủ tục hành chính sau đây hết hiệu lực:

Thủ tục số 1, 2, từ số 11 đến số 13 lĩnh vực Chăn nuôi, từ số 15 đến số 17 lĩnh vực trồng trọt, số 30 lĩnh vực bảo vệ thực vật, từ số 35 đến số 37 lĩnh vực Thủy lợi, từ số 55 đến số 62 lĩnh vực Kiểm lâm; số 52 lĩnh vực thủy sản, số 66, 67, 72 thủ tục hành chính cấp huyện, số 73, 74, 75 thủ tục hành chính cấp xã tại Quyết định số 5582/QĐ-UBND ngày 06/10/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

Quyết định số 6192/QĐ-UBND ngày 09/11/2016; Quyết định số 1919/QĐ-UBND ngày 24/03/2017; Quyết định số 8724/QĐ-UBND ngày 19/12/2017; Quyết định số 2347/QĐ-UBND ngày 16/5/2018; Quyết định số 5628/QĐ-UBND ngày 19/10/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội hết hiệu lực.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, Ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC - Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực: TU, HĐND TP;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
- VPUBTP: CVP, các PCVP: L.T. Lực, V.T.Anh,
Các phòng: TKBT, KT, KSTTHC, TTTH-CB;
- Công giao tiếp điện tử Thành phố;
- Lưu: VT, KSTTHC_(Quyên)



CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Chung

379

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN, UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~758~~ /QĐ-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2019 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN, UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP SỞ.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	
I	Lĩnh vực Nông nghiệp						
1	1	Hỗ trợ dự án liên kết	25 ngày làm việc. Trong đó: - Thẩm định tại Chi cục Phát triển Nông thôn Hà Nội: 15 ngày làm việc. - UBND Thành phố phê duyệt: 10 ngày làm việc.	Chi cục Phát triển Nông thôn Hà Nội. Địa chỉ: 73 Lê Hồng Phong, Hà Đông, Hà Nội	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	Không	- Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ - Quyết định 4660/QĐ-BNN-KTHT ngày 26/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	2	Công nhận làng nghề	30 ngày làm việc. Trong đó: - Tại Chi cục Phát triển Nông thôn Hà Nội: 20 ngày làm việc. - Tại UBND Thành phố: 10 ngày làm việc.	Chi cục Phát triển Nông thôn Hà Nội. Địa chỉ: 73 Lê Hồng Phong, Hà Đông, Hà Nội	Trực tiếp	Không	- Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ - Quyết định 2767/QĐ-BNN-KTHT ngày 12/7/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
3	3	Công nhận nghề truyền thống	30 ngày làm việc; Trong đó: - Tại Chi cục Phát triển Nông thôn Hà	Chi cục Phát triển Nông thôn Hà Nội. Địa chỉ: 73 Lê Hồng Phong, Hà	Trực tiếp	Không	- Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ - Quyết định 2767/QĐ-BNN-KTHT ngày 12/7/2018 của Bộ

			Nội: 20 ngày làm việc. - Tại UBND Thành phố: 10 ngày làm việc.	Đông, Hà Nội			Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
4	4	Công nhận làng nghề truyền thống	30 ngày làm việc; Trong đó: - Tại Chi cục Phát triển Nông thôn Hà Nội: 20 ngày làm việc. - Tại UBND Thành phố: 10 ngày làm việc.	Chi cục Phát triển Nông thôn Hà Nội. Địa chỉ: 73 Lê Hồng Phong, Hà Đông, Hà Nội	Trực tiếp	Không	- Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ - Quyết định 2767/QĐ-BNN-KTHT ngày 12/7/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
II Lĩnh vực Trồng trọt - Bảo vệ thực vật							
5	1	Công nhận cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm.	45 ngày làm việc;	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Hà Nội Địa chỉ: tổ 44, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	Không	- Thông tư 18/2012/TT-BNNPT NT ngày 26/4/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 5016/QĐ-BNN-TT, ngày 21/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
6	2	Công nhận vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm.	30 ngày làm việc,	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Hà Nội Địa chỉ: tổ 44, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	Không	- Thông tư 18/2012/TT-BNNPT NT ngày 26/4/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 5016/QĐ-BNN-TT, ngày 21/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
7	3	Cấp lại giấy Công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng cây công nghiệp và cây ăn	15 ngày làm việc;	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Hà Nội	Trực tiếp hoặc qua đường bưu	Không	- Thông tư 18/2012/TT-BNNPT NT ngày 26/4/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông

		quả lâu năm.		Địa chỉ: tổ 44, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà Nội.	điện;		thôn. - Quyết định số 5016/QĐ-BNN-TT, ngày 21/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
8	4	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón	20 ngày làm việc;	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Hà Nội Địa chỉ: tổ 44, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	Phí: 3.000.000 đồng/cơ sở/lần	- Quyết định số 4441/QĐ-BNN - BVTV, ngày 31/10/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Nghị định số 108/2017/ NĐ-CP, ngày 20/9/2017 của Chính phủ - Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ Tài chính.
9	5	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón	- 20 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại khi giấy chứng nhận hết hạn. - 05 ngày làm việc; đối với trường hợp cấp lại giấy chứng nhận bị mất, hư hỏng, thay đổi nội dung thông tin ghi trên giấy chứng nhận	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Hà Nội Địa chỉ: tổ 44, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	Phí: 1.200.000 đồng/cơ sở/lần	- Quyết định số 4441/QĐ-BNN - BVTV, ngày 31/10/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Nghị định số 108/2017/NĐ-CP, ngày 20/9/2017 của Chính phủ - Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ tài chính.
10	6	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	10 ngày làm việc;	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Hà Nội Địa chỉ: tổ 44, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	Phí: 500.000 đồng/cơ sở/lần	- Quyết định số 4441/QĐ-BNN-BVTV, ngày 31/10/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Nghị định số 108/2017/ NĐ-CP, ngày 20/9/2017 của Chính

				Nội.			phủ - Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ tài chính.
11	7	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	05 ngày làm việc;	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Hà Nội Địa chỉ: tổ 44, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	Phí: 200.000 đồng/cơ sở/lần	- Nghị định số 108/2017/ NĐ-CP, ngày 20/9/2017 của Chính phủ - Quyết định số 4441/QĐ-BNN-BVTV, ngày 31/10/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ tài chính.
12	8	Xác nhận nội dung quảng cáo và đăng ký hội thảo phân bón	- Xác nhận nội dung quảng cáo: 10 ngày làm việc; - Đăng ký hội thảo: 01 ngày làm việc;	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Hà Nội Địa chỉ: tổ 44, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	Chưa quy định	- Nghị định số 108/2017/ NĐ-CP, ngày 20/9/2017 của Chính phủ - Nghị định số 181/2013/ NĐ-CP, ngày 14/11/2013 của Chính phủ. - Quyết định số 4441/QĐ-BNN-BVTV, ngày 31/10/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
13	9	Cấp/Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.	15 ngày làm việc;	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Hà Nội Địa chỉ: tổ 44, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	Phí: 800.000 đồng/lần thẩm định	- Thông tư số 21/2015/TT-BN NPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 4307/QĐ-BNN-BVTV ngày 24/10/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài

							chính.
14	10	Cấp Giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật.	03 ngày làm việc;	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Hà Nội Địa chỉ: tổ 44, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện; Dịch vụ BCCI	Không	- Thông tư số 21/2015/TT-BN NPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 4307/QĐ-BNN-BVTV ngày 24/10/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.
15	11	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật	07 ngày làm việc;	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Hà Nội Địa chỉ: tổ 44, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện; Dịch vụ BCCI	Phí Thẩm định nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật: 600.000 đồng/lần	- Thông tư số 21/2015/TT-BN NPTNT, ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.
16	12	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật	24 giờ	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Hà Nội Địa chỉ: tổ 44, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện; Hoặc nộp trực tuyến	Theo phụ lục Thông tư 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính	- Thông tư 35/2015/TT-BNN PTNT ngày 14/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.
17	13	Tiếp nhận bản công bố hợp quy giống cây trồng.	05 ngày làm việc;	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Hà Nội Địa chỉ: tổ 44, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện; Dịch vụ BCCI	Không	- Thông tư số 46/2015/TT-BNN PTN ngày 15/12/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 02/2017/TT-BKH CN ngày 31/3/2017 của Bộ Khoa học và công nghệ. - Quyết định số 63/QĐ-BNN-PC

							ngày 11/01/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
18	14	Tiếp nhận bản công bố hợp quy.	05 ngày làm việc;	<p>1. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Hà Nội gồm: <i>Tiếp nhận hợp quy: Thuốc bảo vệ thực vật; Phân bón; bơm phun thuốc trừ sâu đeo vai</i> Địa chỉ: Tổ 44, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà Nội.</p> <p>2. Chi cục Chăn nuôi và Thú y Hà Nội gồm: <i>Tiếp nhận hợp quy thức ăn chăn nuôi; Cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại; Yêu cầu vệ sinh thú y đối với cơ sở sản xuất tinh lợn; Yêu cầu vệ sinh đối với cơ sở giết mổ động vật tập trung.</i> Địa chỉ: Số 88, đường Lê Trọng Tấn, Hà Đông, Hà Nội</p>	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện; Dịch vụ BCCI	<p>- Phí Thẩm định công bố hợp quy thuốc bảo vệ thực vật: 600.000 đồng/lần.</p> <p>- Hợp quy phân bón, bơm phun thuốc trừ sâu đeo vai, thức ăn chăn nuôi, cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi, Yêu cầu vệ sinh thú y đối với cơ sở sản xuất tinh lợn; Yêu cầu vệ sinh đối với cơ sở giết mổ động vật tập trung: Chưa quy định thu phí</p>	<p>- Nghị định số: 108/2017/ NĐ-CP, ngày 20/9/2017;</p> <p>- Thông tư 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và công nghệ.</p> <p>- Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và công nghệ.</p> <p>- Thông tư 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.</p> <p>- Quyết định số 63/QĐ-BNN-PC ngày 11/01/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>
III		Lĩnh vực Thủy lợi					
19	1	Cấp giấy phép cho các hoạt	25 ngày làm việc;	Chi cục Thủy lợi	Trực tiếp	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2007/QH

		động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.		Hà Nội. Địa chỉ: Số 1 Tô Hiệu, Hà Đông, Hà Nội.	hoặc qua đường bưu điện;		14 ngày 19/6/2017 của Quốc hội; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ.
20	2	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ của UBND tỉnh.	05 ngày làm việc;	Chi cục Thủy lợi Hà Nội. Địa chỉ: Số 1 Tô Hiệu, Hà Đông, Hà Nội.	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2007/QH 14 ngày 19/6/2017 của Quốc hội; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ.
21	3	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	05 ngày làm việc;	Chi cục Thủy lợi Hà Nội. Địa chỉ: Số 1 Tô Hiệu, Hà Đông, Hà Nội.	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2007/ QH 14 ngày 19/6/2017 của Quốc hội; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ.
22	4	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	10 ngày làm việc;	Chi cục Thủy lợi Hà Nội. Địa chỉ: Số 1 Tô Hiệu, Hà Đông, Hà Nội.	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2007/QH 14 ngày 19/6/2017 của Quốc hội; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ.
23	5	Cấp giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	15 ngày làm việc;	Chi cục Thủy lợi Hà Nội. Địa chỉ: Số 1 Tô Hiệu, Hà Đông, Hà Nội.	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2007/QH 14 ngày 19/6/2017 của Quốc hội; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ.
24	6	Cấp giấy phép nổ mìn và các	15 ngày làm việc;	Chi cục Thủy lợi	Trực tiếp	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2007/QH

		hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.		Hà Nội. Địa chỉ: Số 1 Tô Hiệu, Hà Đông, Hà Nội.	hoặc qua đường bưu điện;		14 ngày 19/6/2017 của Quốc hội; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ.
25	7	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	15 ngày làm việc;	Chi cục Thủy lợi Hà Nội. Địa chỉ: Số 1 Tô Hiệu, Hà Đông, Hà Nội.	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2007/QH 14 ngày 19/6/2017 của Quốc hội; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ.
26	8	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	05 ngày làm việc;	Chi cục Thủy lợi Hà Nội. Địa chỉ: Số 1 Tô Hiệu, Hà Đông, Hà Nội.	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2007/QH 14 ngày 19/6/2017 của Quốc hội; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ.
27	9	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: Du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	10 ngày làm việc;	Chi cục Thủy lợi Hà Nội. Địa chỉ: Số 1 Tô Hiệu, Hà Đông, Hà Nội.	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2007/QH 14 ngày 19/6/2017 của Quốc hội; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ.
28	10	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: Nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn	10 ngày làm việc;	Chi cục Thủy lợi Hà Nội. Địa chỉ: Số 1 Tô	Trực tiếp hoặc qua đường bưu	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2007/QH 14 ngày 19/6/2017 của Quốc hội;

		và các hoạt động gây ô nhiễm khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.		Hiệu, Hà Đông, Hà Nội.	điện;		- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ.
29	11	Cấp giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi, trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	30 ngày làm việc; <i>Trong đó,</i> - Thẩm định tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 20 ngày làm việc; - Cấp giấy phép tại UBND Thành phố: 10 ngày làm việc.	Chi cục Thủy lợi Hà Nội. Địa chỉ: Số 1 Tô Hiệu, Hà Đông, Hà Nội.	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	<i>Phí thẩm định:</i> - Đề án xả nước thải với lưu lượng 10.000-30.000 m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản: 9.000.000 đồng - Đề án xả nước thải có lưu lượng nước xả từ 1.000-3000 m ³ /ngày đêm đối với hoạt động khác; Đề án xả nước thải có lưu lượng nước xả dưới 3.000 m ³ /ngày đêm đối với các trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp, Làng nghề: 7.000.000 đồng - Đề án xả nước thải có lưu lượng xả dưới	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH 14 của Quốc hội; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thủy lợi; - Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Nghị quyết số 20/2016/NQ-HĐND ngày 6/12/2016 của HĐND thành phố Hà Nội.

						1.000 m ³ /ngày đêm đối với hoạt động khác: 5.000.000 đồng. - Đối với đề án xả nước thải với lưu lượng từ 30.000 m ³ /ngày đêm trở lên đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; từ 3.000 m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác thuộc thẩm quyền thẩm định của cơ quan Trung ương	
30	12	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi trừ xả nước chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	15 ngày làm việc; Trong đó, - Thẩm định tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 10 ngày làm việc; - Cấp giấy phép tại UBND Thành phố: 5 ngày làm việc.	Chi cục Thủy lợi Hà Nội. Địa chỉ: Số 1 Tô Hiệu, Hà Đông, Hà Nội.	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	50% so với cấp mới	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 của Quốc hội; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thủy lợi; - Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Nghị quyết số 20/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 của HĐND thành phố Hà Nội.
31	13	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp	03 ngày làm việc; Trong đó,	Chi cục Thủy lợi Hà Nội.	Trực tiếp hoặc qua	- Phí thẩm định: Trường hợp cấp	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 của Quốc hội;

		bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	- Thẩm định tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 01 ngày làm việc. - Cấp giấy phép tại UBND Thành phố: 02 ngày làm việc.	Địa chỉ: Số 1 Tô Hiệu, Hà Đông, Hà Nội.	đường bưu điện;	phép xả nước thải vào công trình thủy lợi bằng: 30 % so với cấp mới. - Phí thẩm định các trường hợp cấp phép khác: chưa quy định	- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thủy lợi; - Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Nghị quyết số 20/2016/ NQ-HĐND ngày 06/12/2016 của HĐND thành phố Hà Nội.
32	14	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	03 ngày làm việc; <i>Trong đó,</i> - Thẩm định tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 01 ngày làm việc. - Cấp giấy phép tại UBND Thành phố: 02 ngày làm việc.	Chi cục Thủy lợi Hà Nội. Địa chỉ: Số 1 Tô Hiệu, Hà Đông, Hà Nội.	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	- Phí thẩm định: Trường hợp cấp phép xả nước thải vào công trình thủy lợi bằng: 30 % so với cấp mới. - Phí thẩm định các trường hợp cấp phép khác: chưa quy định	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 của Quốc hội; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thủy lợi; - Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Nghị quyết số 20/2016/ NQ-HĐND ngày 06/12/2016 của HĐND thành phố Hà Nội.
33	15	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh quản lý.	30 ngày làm việc;	Chi cục Thủy lợi Hà Nội. Địa chỉ: Số 1 Tô Hiệu, Hà Đông, Hà Nội.	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 của Quốc hội; - Thông tư 05/2018/TT-BNN PTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
34	16	Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn	30 ngày làm việc;	Chi cục Thủy lợi Hà Nội. Địa chỉ: Số 1 Tô Hiệu, Hà Đông,	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 của Quốc hội; - Thông tư 05/2018/TT-BNN PTNT ngày 15/5/2018 của Bộ

		UBND tỉnh quản lý.		Hà Nội.			Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
IV		Lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản – Thủy sản					
35	1	Kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm muối nhập khẩu	- Kiểm tra và trả lời về tính hợp lệ của hồ sơ: 01 ngày làm việc; - Thời hạn giải quyết khi hồ sơ hợp lệ: 01 ngày làm việc;	Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và Thủy sản Hà Nội. Địa chỉ: Số 143 Hồ Đắc Di, phường Quang Trung, quận Đống Đa, Hà Nội	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	Chưa quy định	- Quyết định số 517/QĐ-BNN-KTHT, ngày 7/2/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 27/2017/TT-BN NPTNT, ngày 25/12/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
V		Lĩnh vực Thủy sản					
36	1	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh.	04 ngày làm việc;	Chi cục Thủy sản Hà Nội. Xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	- Phí kiểm tra lâm sàng động vật thủy sản: 100.000 đồng/Lô hàng/xe ô tô - Phí giám sát cách ly kiểm dịch: + Đối với động vật thủy sản giống: 800.000 đồng/Lô hàng/xe ô tô. + Đối với động vật thủy sản thương phẩm: 500.000đồng/Lô hàng / xe ô tô - Phí kiểm dịch sản phẩm động vật thủy sản:	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 26/2016/TT-BN NPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Quyết định số 4559/QĐ-BNN-TY ngày 03/11/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ tài chính;

						100.000 đồng/ Container/lô hàng - Phí kiểm dịch sản phẩm động vật thủy sản đông lạnh: 200.000 đồng/ Container /lô hàng	
37	2	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	Cấp mới, cấp gia hạn: 08 ngày làm việc;	Chi cục Thủy sản Hà Nội. Xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện; Dịch vụ BCCI	Phí kiểm tra điều kiện buôn bán thuốc thú y thủy sản: 230.000 đồng/lần	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 26/2016/TT-BN NPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 13/2016/TT-BN NPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
38	3	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký)	05 ngày làm việc;	Chi cục Thủy sản Hà Nội. Xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện; Dịch vụ BCCI	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 26/2016/TT-BNN PTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 13/2016/TT-BNN

							PTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
39	4	Kiểm tra chất lượng giống thủy sản nhập khẩu (<i>trừ giống thủy sản bố mẹ chủ lực</i>)	02 ngày làm việc;	Chi cục Thủy sản Hà Nội. Xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận: 470.000 đồng	- Thông tư số 26/2013/TT-BNN PTNT ngày 22/5/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 09/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính;
40	5	Cấp giấy phép khai thác thủy sản (cấp lần đầu)	- 05 ngày làm việc;	Chi cục Thủy sản Hà Nội. Xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	- Cấp lần đầu: 40.000đ/lần;	- Luật số 17/2003/QH 11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội; - Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ; - Nghị định số 14/2009/NĐ-CP ngày 13/02/2009 của Chính phủ; - Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/05/2005 của Chính phủ; - Thông tư số 230/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20/3/2006 của Bộ Thủy sản.
41	6	Cấp gia hạn giấy phép khai thác thủy sản.	02 ngày làm việc;	Chi cục Thủy sản Hà Nội. Xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	- Cấp gia hạn: 20.000đ/lần;	- Luật Thủy sản số 17/2003/QH 11 ngày 26/11/2003, của Quốc hội; - Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ; - Nghị định số 14/2009/NĐ-CP ngày 13/02/2009 của Chính phủ; - Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/05/2005 của Chính phủ; - Thông tư số 230/2016/TT-BTC

							ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20/3/2006 của Bộ Thủy sản.
42	7	Cấp lại giấy phép khai thác thủy sản.	05 ngày làm việc;	Chi cục Thủy sản Hà Nội. Xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	- Lệ phí: 20.000 đồng/lần	- Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ; - Nghị định số 14/2009/NĐ-CP ngày 13/02/2009 của Chính phủ; - Nghị định số 53/2012/NĐ-CP ngày 20/6/2012 của Chính phủ; - Thông tư số 230/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ tài chính; - Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20/3/2006 của Bộ Thủy sản. - Thông tư số 24/2011/TT-BN NPTNT ngày 06/04/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
43	8	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá.	03 ngày làm việc;	Chi cục Thủy sản Hà Nội. Xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	Không	- Luật Thủy sản số 17/2003/QH 11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội; - Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ; - Nghị định số 14/2009/NĐ-CP ngày 13/02/2009 của Chính phủ; - Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ Thủy sản; - Thông tư 24/2011/TT-BNN PTNT ngày 06/04/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông

							thôn;
44	9	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá.	03 ngày làm việc;	Chi cục Thủy sản Hà Nội. Xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	Không	- Luật Thủy sản số 17/2003/QH 11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội; - Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ; - Nghị định số 14/2009/NĐ-CP ngày 13/02/2009 của Chính phủ; - Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ Thủy sản; - Thông tư 24/2011/TT-BNN PTNT ngày 06/04/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
45	10	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán tàu cá.	03 ngày làm việc;	Chi cục Thủy sản Hà Nội. Xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	Không	- Luật Thủy sản số 17/2003/QH 11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội; - Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ; - Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ Thủy sản; - Thông tư số 24/2011/TT-BNN PTNT ngày 06/04/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
46	11	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bè cá.	03 ngày làm việc;	Chi cục Thủy sản Hà Nội. Xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	Không	- Luật Thủy sản số 17/2003/ QH 11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội; - Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ; - Nghị định số 14/2009/NĐ-CP ngày 13/02/2009 của Chính phủ;

							<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 103/2013/NĐ-CP ngày 12/9/2013 của Chính phủ; - Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ Thủy sản; - Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20/3/2006 của Bộ Thủy sản; - Thông tư số 24/2011/TT-BNN PTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 16/2015/TT-BNN PTNT ngày 10/5/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
47	12	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (cấp lần đầu)	20 ngày làm việc;.	Chi cục Thủy sản Hà Nội. Xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	Phí thẩm định cơ sở: 300.000 đồng/lần	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 14/2016/TT-BN NPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ tài chính; - Quyết định số 4559/QĐ-BNN - TY ngày 03/11/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
48	13	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản	<ul style="list-style-type: none"> - 07 ngày làm việc; đối với trường hợp cơ sở đã được đánh giá định kỳ, thời gian không quá 12 tháng. - 17 ngày làm việc; 	Chi cục Thủy sản Hà Nội. Xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	Phí thẩm định cơ sở: 300.000 đồng/lần	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 14/2016/TT-BN NPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ tài chính;

			đối với trường hợp còn lại				- Quyết định số 4559/QĐ-BNN - TY ngày 03/11/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
VI		Lĩnh vực Kiểm lâm					
49	1	Cấp giấy chứng nhận trại nuôi gấu	15 ngày làm việc;	Chi cục Kiểm lâm Hà Nội Địa chỉ: Ba La, phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội.	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	Không	- Thông tư số 25/2011/TT-BNN PTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 95/2008/QĐ-BNN ngày 29/9/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
50	2	Giao nộp gấu cho nhà nước	05 ngày làm việc;	Chi cục Kiểm lâm Hà Nội Địa chỉ: Ba La, phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội.	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	Không	- Thông tư số 25/2011/TT-BNN PTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 95/2008/QĐ-BNN ngày 29/9/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
51	3	Cấp giấy phép vận chuyển gấu	10 ngày làm việc;	Chi cục Kiểm lâm Hà Nội Địa chỉ: Ba La, phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội.	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	Không	- Nghị định số 32/2006/NĐ-CP ngày 30/3/2006; - Quyết định số 95/2008/QĐ-BNN ngày 29/9/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
52	4	Đóng dấu búa kiểm lâm	10 ngày làm việc;	Chi cục Kiểm lâm Hà Nội Địa chỉ: Ba La, phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội.	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	Không	- Quyết định số 44/2006/QĐ-BNN ngày 01/6/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Quyết định số 107/2007/QĐ-BNN ngày 31/12/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông

							thôn.
53	5	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm theo quy định của pháp luật Việt Nam và phụ lục II, III của CITES.	10 ngày làm việc;	Chi cục Kiểm lâm Hà Nội Địa chỉ: Ba La, phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội.	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	Không	- Nghị định số 82/2006/NĐ-CP ngày 30/8/2006 của Chính phủ; - Nghị định số 98/2011/NĐ-CP ngày 26/10/2011 của Chính phủ;
54	6	Cấp giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại (nuôi mới)	8 ngày làm việc;	Chi cục Kiểm lâm Hà Nội Địa chỉ: Ba La, phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội.	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	Không	Thông tư số 47/2012/TT-BNN PTNT ngày 25/9/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
55	7	Cấp bổ sung giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại	05 ngày làm việc;	Chi cục Kiểm lâm Hà Nội Địa chỉ: Ba La, phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội.	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	Không	Thông tư số 47/2012/TT-BNN PTNT ngày 25/9/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
56	8	Cấp đổi giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại	03 ngày làm việc;	Chi cục Kiểm lâm Hà Nội Địa chỉ: Ba La, phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội.	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	Không	Thông tư số 47/2012/TT-BNN PTNT ngày 25/9/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
57	9	Xác nhận của Chi cục Kiểm lâm đối với lâm sản chưa qua chế biến có nguồn gốc từ rừng tự nhiên, nhập khẩu, sau xử lý tịch thu; lâm sản sau chế biến có nguồn gốc từ rừng tự nhiên, nhập khẩu, sau xử lý tịch thu; lâm sản vận chuyển nội bộ giữa các điểm không cùng trên địa bàn một	Tối đa 03 ngày làm việc sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp không phải xác minh). - Tối đa 05 ngày làm việc sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp phải xác minh về nguồn	- Chi cục Kiểm lâm Hà Nội Địa chỉ: Ba La, phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội.	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	Không	- Thông tư số 01/2012/TT-BNN PTNT ngày 04/01/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 40/2015/TT-BNN PTNT ngày 21/4/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

		tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; động vật rừng được gây nuôi trong nước và bộ phận, dẫn xuất của chúng (đối với địa phương không có Hạt kiểm lâm).	gốc cây cảnh, cây bóng mát, cây cỏ thụ)				
58	10	Xác nhận của Chi cục Kiểm lâm đối với cây cảnh, cây bóng mát, cây cỏ thụ có nguồn gốc khai thác từ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng tự nhiên, rừng trồng tập trung; cây có nguồn gốc nhập khẩu; cây xử lý tịch thu (đối với địa phương không có Hạt kiểm lâm).	Tối đa 03 ngày làm việc sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp không phải xác minh). - Tối đa 05 ngày làm việc sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp phải xác minh về nguồn gốc cây cảnh, cây bóng mát, cây cỏ thụ).	- Chi cục Kiểm lâm Hà Nội Địa chỉ: Ba La, phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội. - Hạt Kiểm lâm quản lý địa bàn.	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	Không	- Thông tư số 01/2012/TT-BNN PTNT ngày 04/01/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 40/2015/TT-BNN PTNT ngày 21/4/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 39/2012/QĐ-TTg ngày 05/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ.
59	11	Cấp giấy phép khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên vì mục đích thương mại trên các lâm phần của các chủ rừng do địa phương quản lý	20 ngày làm việc;	- Chi cục Kiểm lâm Hà Nội Địa chỉ: Ba La, phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội.	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	Không	Thông tư số 47/2012/TT-BNN PTNT ngày 25/9/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
60	12	Cấp giấy phép khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên không vì mục đích thương mại trên các lâm phần của các chủ rừng thuộc địa phương quản lý	13 ngày làm việc;	- Chi cục Kiểm lâm Hà Nội Địa chỉ: Ba La, phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội.	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	Không	Thông tư số 47/2012/TT-BNN PTNT ngày 25/9/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
61	13	Xác nhận mẫu vật khai thác là động vật rừng thông thường.	03 ngày làm việc;	- Chi cục Kiểm lâm Hà Nội Địa chỉ: Ba La, phường Phú La, Hà	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	Không	Thông tư số 47/2012/TT-BNN PTNT ngày 25/9/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

				Đông, Hà Nội. - Hạt Kiểm lâm quản lý địa bàn.			
62	14	Thẩm định, phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức	23 ngày làm việc; Trong đó: + Thẩm định: 20 ngày làm việc, + Phê duyệt phương án: 03 ngày làm việc.	Chi cục Kiểm lâm Hà Nội Địa chỉ: Ba La, phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội.	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	Không	- Thông tư số 38/2014/TT - BNNPTNT ngày 03/11/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 15/2015/TT - BNN PTNT ngày 26/3/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
63	15	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (Gồm công nhận cây trội; lâm phần tuyển chọn; rừng giống chuyên hóa; rừng giống; vườn cây đầu dòng).	15 ngày làm việc;	Chi cục Kiểm lâm Hà Nội (<i>Tiếp nhận và ký chứng chỉ công nhận</i>). Địa chỉ: Ba La, phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội.	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện; Dịch vụ BCCI	- Bình tuyển công nhận cây mẹ, vườn cây đầu dòng: 1.000.000 đồng/lần - Bình tuyển công nhận lâm phần tuyển chọn: 750.000 đồng/lần - Bình tuyển công nhận rừng giống: 3.000.000 đồng/lần	- Quyết định số 89/2005/ QĐ- BNN ngày 29/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 25/2011/TT- BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 15/2015/TT- BNNPTNT ngày 26/3/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ tài chính; - Nghị quyết số 20/2016/NQ-HĐ ND ngày 06/12/2016 của HĐND thành phố Hà Nội.
64	16	Cấp chứng nhận nguồn gốc lô cây con	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy thông báo kết quả sản	Chi cục Kiểm lâm Hà Nội (<i>Tiếp nhận và ký Giấy chứng nhận</i>).	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	Lệ phí: 100.000 đồng/01 giấy	- Quyết định số 89/2005/ QĐ- BNN ngày 29/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 25/2011/ TT-

			xuất cây con của chủ nguồn giống.	Địa chỉ: Ba La, phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội.	Dịch vụ BCCI		BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 15/2015/TT-BNNPTNT ngày 26/3/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
65	17	Cấp chứng nhận nguồn gốc lô giống.	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy thông báo thu hoạch giống của chủ nguồn giống.	Chi cục Kiểm lâm Hà Nội (<i>Tiếp nhận và ký Giấy chứng nhận</i>). Địa chỉ: Ba La, phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội.	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện; Dịch vụ BCCI	- Lệ phí: 100.000 đồng/01 giấy - Phí: 600.000đồng/01 lô giống	- Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN ngày 29/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 15/2015/TT-BNNPTNT ngày 26/3/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ Tài chính.
66	18	Cho thuê rừng đối với tổ chức	38 ngày làm việc;	Chi cục Kiểm lâm Hà Nội. Địa chỉ: Ba La, phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội.	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	- Không	- Thông tư số 38/2007/ TT-BNN ngày 25/4/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 25/2011/BNN-PTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số: 20/2016/TT-BNNPTNT ngày 27/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
67	19	Thẩm định, phê duyệt	35 ngày làm việc;	Chi cục Kiểm lâm	Trực tiếp	- Không	- Thông tư số 24/2013/ TT -

		phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyển sang sử dụng cho mục đích khác.		Hà Nội. Địa chỉ: Ba La, phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội.	hoặc qua đường bưu điện;		BNNPTNT ngày 06/5/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 26/2015/TT-BNNPTNT ngày 29/7/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 3482/QĐ-BNN-TCLN ngày 28/8/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
68	20	Cấp phép khai thác chính, tận dụng, tận thu gỗ rừng trồng trong rừng phòng hộ của tổ chức.	10 ngày làm việc;	Chi cục Kiểm lâm Hà Nội. Địa chỉ: Ba La, phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội.	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	- Không	- Thông tư số 21/2016/TT-BNNPTNT ngày 28/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 17/2017/TT-BNNPTNT ngày 11/9/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
69	21	Thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư.	23 ngày làm việc; Trong đó: - Tại Chi cục Kiểm lâm: 15 ngày làm việc. - Tại UBND Thành phố: 08 ngày làm việc.	Chi cục Kiểm lâm Hà Nội. Địa chỉ: Ba La, phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội.	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	- Không	- Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 1050/QĐ-BNN-TCLN ngày 30/3/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
70	22	Điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư.	23 ngày làm việc; Trong đó: - Tại Chi cục Kiểm lâm: 15 ngày làm việc. - Tại UBND Thành phố: 08 ngày làm	Chi cục Kiểm lâm Hà Nội. Địa chỉ: Ba La, phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội.	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	- Không	- Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 1050/QĐ-BNN-TCLN ngày 30/3/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông

			việc.				thôn.
VII Lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản – Thủy sản							
71	1	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản (cấp mới; cấp lại khi sắp hết hạn; cấp lại trong trường hợp thay đổi, bổ sung địa điểm sản xuất kinh doanh; bổ sung ngành nghề kinh doanh) (TTHC chung cho cấp sở, cấp quận, huyện, thị xã)	15 ngày làm việc;	Chi cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản Hà Nội. Địa chỉ: 143 Hồ Đắc Di – Đống Đa – Hà Nội	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	Phí: 700.000 đồng/cơ sở.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 45/2014/TT-BNN PTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ tài chính; - Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ tài chính;
72	2	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (Trường hợp Giấy chứng nhận vẫn còn hiệu lực nhưng bị mất, hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận (TTHC chung cho cấp sở, cấp quận, huyện, thị xã)	05 ngày làm việc;	Chi cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản Hà Nội. Địa chỉ: 143 Hồ Đắc Di – Đống Đa – Hà Nội	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 15/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 45/2014/TT-BN NPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định 2316/QĐ-BNN-QL CL ngày 10/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
73	3	Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm.	13 ngày làm việc;	Chi cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản Hà Nội. Địa chỉ: 143 Hồ Đắc Di – Đống Đa – Hà Nội	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	Phí: 30.000 đồng/lần/người	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư liên tịch số 13/2014 /TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 09/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Công thương, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 45/2014/TT-

							BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Quyết định số 2316/QĐ-BNN-QLCL ngày 10/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.
VIII Lĩnh vực Chăn nuôi - Thú y (động vật trên cạn và thủy sản)							
74	1	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (Certificate of Free Sale – CFS) đối với Giống vật nuôi (bao gồm phôi, tinh, con giống vật nuôi); Thức ăn chăn nuôi, chất bổ sung vào thức ăn chăn nuôi, Môi trường pha chế, bảo quản tinh, phôi động vật; Vật tư hóa chất chuyên dùng trong chăn nuôi.	5 ngày làm việc;	- Chi cục Chăn nuôi và Thú y Hà Nội. Địa chỉ: Số 88, đường Lê Trọng Tấn, Hà Đông, Hà Nội	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện; Dịch vụ BCCI	Không	- Quyết định số 10/2010/QĐ-TTg ngày 10/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ; - Thông tư số 63/2010/TT-BNN PTNT ngày 01/11/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 19/2011/TT-BNN PTNT, ngày 06/4/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
75	2	Cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (Certificate of Free Sale – CFS) đối với Giống vật nuôi (bao gồm phôi, tinh, con giống vật nuôi); Thức ăn chăn nuôi, chất bổ sung vào thức ăn chăn nuôi, Môi trường pha chế, bảo quản tinh, phôi động vật; Vật tư hóa chất chuyên dùng trong chăn nuôi.	04 ngày làm việc;	- Chi cục Chăn nuôi và Thú y Hà Nội. Địa chỉ: Số 88, đường Lê Trọng Tấn, Hà Đông, Hà Nội	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện; Dịch vụ BCCI	Không	- Quyết định số 10/2010/ QĐ-TTg ngày 10/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ; - Thông tư số 63/2010/TT-BNN PTNT ngày 01/11/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 19/2011/TT-BNN PTNT, ngày 06/4/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
76	3	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành	- 05 ngày làm việc	- Chi cục Chăn	Trực tiếp	Lệ phí:	- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP

		<p>nghề thú y -thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)</p>	<p>với trường hợp cấp mới; - 03 ngày làm việc với trường hợp gia hạn.</p>	<p>nuôi và Thú y Hà Nội: Cấp chứng chỉ hành nghề động vật trên cạn. Địa chỉ: Số 88, đường Lê Trọng Tấn, Hà Đông, Hà Nội - Chi cục Thủy sản Hà Nội: Cấp chứng chỉ động vật thủy sản. Địa chỉ: Xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội</p>	<p>hoặc qua đường bưu điện; Dịch vụ BCCI</p>	<p>50.000 đồng/lần</p>	<p>ngày 15/5/2016 của Chính phủ; - Quyết định số 4559/QĐ-BNN - TY ngày 03/11/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ tài chính; - Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ tài chính;</p>
77	4	<p>Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y động vật trên cạn và thủy sản).</p>	<p>03 ngày làm việc;</p>	<p>- Chi cục Chăn nuôi và Thú y Hà Nội: Cấp chứng chỉ hành nghề động vật trên cạn. Địa chỉ: Số 88, đường Lê Trọng Tấn, Hà Đông, Hà Nội - Chi cục Thủy sản Hà Nội: Cấp chứng chỉ động vật thủy sản. Địa chỉ: Xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội</p>	<p>Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện; Dịch vụ BCCI</p>	<p>Lệ phí: 50.000 đồng/lần</p>	<p>- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; - Quyết định số 4559/QĐ-BNN - TY ngày 03/11/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ tài chính; - Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ tài chính;</p>
78	5	<p>Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y.</p>	<p>08 ngày làm việc;</p>	<p>Chi cục Chăn nuôi và Thú y Hà Nội Địa chỉ: Số 88,</p>	<p>Trực tiếp hoặc qua đường bưu</p>	<p>Phí: 230.000 đồng/lần</p>	<p>- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 13/2016/TT-BNN</p>

				đường Lê Trọng Tấn, Hà Đông, Hà Nội	điện;		PTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Quyết định số 4559/QĐ-BNN - TY ngày 03/11/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ tài chính; - Thông tư số 45/2014/TT-BN NPTNT ngày 14/11/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
79	6	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký)	05 ngày làm việc;	Chi cục Chăn nuôi và Thú y Hà Nội Địa chỉ: Số 88, đường Lê Trọng Tấn, Hà Đông, Hà Nội	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện; Dịch vụ BCCI	Không	- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; - Quyết định số 4559/QĐ-BNN - TY ngày 03/11/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 13/2016/TT-BNN PTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 45/2014/TT-BNN PTNT ngày 14/11/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
80	7	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	15 ngày làm việc;	Chi cục Chăn nuôi và Thú y Hà Nội; Địa chỉ: Số 88, đường Lê Trọng Tấn, Hà Đông, Hà Nội	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	Phí: 900.000 đồng/lần	- Thông tư số 13/2016/TT-BNN PTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Quyết định số 4559/QĐ-BNN - TY ngày 03/11/2016 của Bộ

							Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ tài chính;
81	8	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn (cấp lần đầu)	20 ngày làm việc;	Chi cục Chăn nuôi và Thú y Hà Nội; Địa chỉ: Số 88, đường Lê Trọng Tấn, Hà Đông, Hà Nội	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	Phí 300.000 đồng	- Thông tư số 14/2016/TT-BNN PTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 4559/QĐ-BNN - TY ngày 03/11/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ tài chính;
82	9	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	- 07 ngày làm việc với trường hợp đã được đánh giá định kỳ - 17 ngày làm việc với trường hợp chưa được đánh giá định kỳ	Chi cục Chăn nuôi và Thú y Hà Nội; Địa chỉ: Số 88, đường Lê Trọng Tấn, Hà Đông, Hà Nội	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	Phí 300.000 đồng	- Thông tư số 14/2016/TT-BNN PTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 4559/QĐ-BNN - TY ngày 03/11/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ tài chính;
83	10	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở phải đánh giá lại.	15 ngày làm việc;	- Chi cục Chăn nuôi và Thú y Hà Nội (Cấp chứng chỉ hành nghề động vật trên cạn); Địa chỉ: Số 88, đường Lê Trọng	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	Phí: 300.000 đồng	- Thông tư số 14/2016/TT-BNN PTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 4559/QĐ-BNN - TY ngày 03/11/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông

				Tân, Hà Đông, Hà Nội. - Chi cục Thủy sản Hà Nội (Cấp chứng chỉ động vật thủy sản) Địa chỉ: Xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội			thôn. - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ tài chính;
84	11	Cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn hoặc thủy sản)	02 ngày làm việc;	- Chi cục Chăn nuôi và Thú y Hà Nội: Cấp chứng chỉ hành nghề động vật trên cạn; Địa chỉ: Số 88, đường Lê Trọng Tấn, Hà Đông, Hà Nội. - Chi cục Thủy sản Hà Nội: cấp chứng chỉ động vật thủy sản. Địa chỉ: Xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	Không	- Quyết định số 4559/QĐ-BNN-TY ngày 03/11/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ tài chính;
85	12	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận	20 ngày làm việc;	- Chi cục Chăn nuôi và Thú y Hà Nội: cấp chứng chỉ hành nghề động vật trên cạn. Địa chỉ: Số 88, đường Lê Trọng Tấn, Hà Đông, Hà Nội.	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	Phí: 300.000đồng/lần	- Thông tư số 14/2016/TT-BN NPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 4559/QĐ-BNN - TY ngày 03/11/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 285/2016/TT-BTC

				<p>- Chi cục Thủy sản Hà Nội: cấp chứng chỉ động vật thủy sản.</p> <p>Địa chỉ: Xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội</p>			ngày 14/11/2016 của Bộ tài chính;
86	13	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở có Giấy chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc do không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi được chứng nhận	13 ngày làm việc;	<p>- Chi cục Chăn nuôi và Thú y Hà Nội: cấp chứng chỉ hành nghề động vật trên cạn.</p> <p>Địa chỉ: Số 88, đường Lê Trọng Tấn, Hà Đông, Hà Nội.</p> <p>- Chi cục Thủy sản Hà Nội: cấp chứng chỉ động vật thủy sản</p> <p>Địa chỉ: Xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội</p>	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	Phí: 300.000 đồng/lần	<p>- Thông tư số 14/2016/TT-BN NPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>- Quyết định số 4559/QĐ-BNN - TY ngày 03/11/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ tài chính;</p>
87	14	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y (cấp tỉnh)	<p>- 15 ngày làm việc với trường hợp Giấy chứng nhận hết hạn.</p> <p>- 05 ngày làm việc đối với trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin.</p>	Chi cục Chăn nuôi và Thú y Hà Nội; Địa chỉ: Số 88, đường Lê Trọng Tấn, Hà Đông, Hà Nội	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	<p>- Phí: Kiểm tra đối với cơ sở chăn nuôi tập trung; cơ sở sơ chế, chế biến, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật; kho lạnh bảo quản động vật, sản phẩm động vật</p>	<p>- Thông tư số 09/2016/TT-BN NPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>- Quyết định số 4559/QĐ- BNN -TY ngày 03/11/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</p> <p>- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ tài chính;</p>

					<p>tươi sống, sơ chế, chế biến; cơ sở giết mổ tập trung; cơ sở ấp trứng, sản xuất, kinh doanh con giống; chợ chuyên kinh doanh động vật; cơ sở xét nghiệm, chuẩn đoán bệnh động vật; cơ sở phẫu thuật động vật; cơ sở sản xuất nguyên liệu thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc động vật và các sản phẩm động vật khác không sử dụng làm thực phẩm: 1.000.000 đồng/lần</p> <p>- Phí: Kiểm tra đối với cơ sở cách ly kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; cơ sở giết mổ nhỏ lẻ; chợ kinh doanh động vật nhỏ lẻ, cơ sở thu gom động</p>
--	--	--	--	--	---

						vật: 450.000 đồng/lần
--	--	--	--	--	--	--------------------------

B . DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN .

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	
1	1	Giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân	36 ngày làm việc;	UBND cấp huyện,	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	- Không	- Thông tư số 20/2016/TT-BNNPTNT ngày 27/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 38/2007/TT-BNN ngày 25/4/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
2	2	Giao rừng cho cộng đồng dân cư thôn.	36 ngày làm việc;	UBND cấp huyện,	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	- Không	- Thông tư số 20/2016/TT-BNNPTNT ngày 27/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 38/2007/TT-BNN ngày 25/4/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
3	3	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ cải tạo rừng (đối với tổ chức khác và hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn)	- 5 ngày làm việc đối với hồ sơ hợp lệ hoặc 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thẩm định của Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND cấp huyện,	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	- Không	- Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 14/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ. - Thông tư số 23/2013/TT-BNNPTNT ngày 04 tháng 5 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Quy định về cải tạo rừng tự nhiên nghèo kiệt là rừng sản xuất
4	4	Thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện,	23 ngày làm việc;	UBND cấp huyện,	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	- Không	- Luật đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội. - Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 3/3/2006 của Chính phủ;

		UBND cấp xã quyết định đầu tư					<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 23/2016/TT-BNN PTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 1050/QĐ-BNN-TCLN ngày 30/3/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
5	5	Điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, UBND cấp xã quyết định đầu tư	23 ngày làm việc;	UBND cấp huyện,	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	- Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội. - Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 3/3/2006 của Chính phủ; - Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 23/2016/TT-BNN PTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 1050/QĐ-BNN-TCLN ngày 30/3/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
6	6	Hỗ trợ dự án liên kết	<ul style="list-style-type: none"> - Tại phòng kinh tế: 15 ngày làm việc; - Tại UBND huyện: 10 ngày làm việc; 	Phòng Kinh tế huyện,	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;	- Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ - Quyết định 4660/QĐ-BNN-KTHT ngày 26/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	1	Xác nhận của UBND cấp xã đối với lâm sản chưa qua chế biến có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên (<i>của cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân</i>).	UBND cấp xã	Trực tiếp	Không	- Thông tư số 01/2012/TT-BNN PTNT ngày 04/01/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.; - Thông tư số 40/2015/TT-BNN PTNT ngày 21/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.;
2	2	Xác nhận của UBND cấp xã đối với cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ có nguồn gốc khai thác từ vườn, trang trại, cây trồng phân tán của tổ chức; cây có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên, rừng trồng tập trung, vườn nhà, trang trại, cây phân tán của cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân.	UBND cấp xã	Trực tiếp	Không	- Quyết định số 39/2012/QĐ-TTg ngày 05/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ; - Quyết định số 36/QĐ-BNN-TCKL ngày 07/01/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN, UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI.

TT	Số hồ sơ TTHC	Thứ tự TTHC bị bãi bỏ tại Quyết định công bố của UBND Thành phố	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ
A	Thủ tục hành chính cấp Thành phố			
1		Số 1 phụ lục kèm theo Quyết định số 5582/QĐ-UBND ngày 06/10/2016	Xác nhận đăng ký huyện, thị xã đạt chuẩn nông thôn mới	Quyết định số 1090/QĐ-BNN-VPĐP ngày 26/3/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển

		của UBND Thành phố		nông thôn.
2		Số 2 phụ lục kèm theo Quyết định số 5582/QĐ-UBND ngày 06/10/2016 của UBND Thành phố	Công nhận/công nhận lại xã đạt chuẩn nông thôn mới	Quyết định số 1090/QĐ-BNN-VPĐP ngày 26/3/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
B	Thủ tục hành chính cấp Sở			
I	Lĩnh vực Chăn nuôi			
1	T-HNO-265455-TT	Số 11 phụ lục kèm theo Quyết định số 5582/QĐ-UBND ngày 06/10/2016 của UBND Thành phố	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với thức ăn chăn nuôi; giống vật nuôi (bao gồm phôi, tinh, con giống vật nuôi); môi trường pha chế, bảo quản tinh, phôi động vật, vật tư, hóa chất chuyên dùng trong chăn nuôi.	- Quyết định số 10/2010/QĐ-TTg ngày 10/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ; - Thông tư số 63/2010/TT-BNN PTNT ngày 01/11/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 19/2011/TT-BNN PTNT, ngày 06/4/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
2	T-HNO-265456-TT	Số 12 phụ lục kèm theo Quyết định số 5582/QĐ-UBND ngày 06/10/2016 của UBND Thành phố	Cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với thức ăn chăn nuôi; giống vật nuôi (bao gồm phôi, tinh, con giống vật nuôi); môi trường pha chế, bảo quản tinh, phôi động vật, vật tư, hóa chất chuyên dùng trong chăn nuôi	- Quyết định số 10/2010/QĐ-TTg ngày 10/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ; - Thông tư số 63/2010/TT-BNN PTNT ngày 01/11/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 19/2011/TT-BNN PTNT, ngày 06/4/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
3		Số 13 phụ lục kèm theo Quyết định số 5582/QĐ-UBND ngày 06/10/2016 của UBND Thành phố	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thức ăn chăn nuôi	- Thông tư số 09/2018/TT-BNNPTNT ngày 13/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bãi bỏ Thông tư 29/2015/TT-BNN PTNT
II	Lĩnh vực Trồng trọt			
4	T-HNO-265459-TT	Số 15 phụ lục kèm theo Quyết định số 5582/QĐ-UBND ngày 06/10/2016 của UBND Thành phố	Công nhận cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm.	- Thông tư 18/2012/TT-BNNPT NT ngày 26/4/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư 180/2011/TT-BTC ngày 14/12/2011 của Bộ Tài chính. - Quyết định số 5016/QĐ-BNN-TT, ngày 21/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát

				triển nông thôn.
5	T-HNO-265460-TT	Số 16 phụ lục kèm theo Quyết định số 5582/QĐ-UBND ngày 06/10/2016 của UBND Thành phố	Công nhận vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm.	- Thông tư 18/2012/TT-BNNPT NT ngày 26/4/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư 180/2011/TT-BTC ngày 14/12/2011 của Bộ Tài chính. - Quyết định số 5016/QĐ-BNN-TT, ngày 21/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
6	T-HNO-265461-TT	Số 17 phụ lục kèm theo Quyết định số 5582/QĐ-UBND ngày 06/10/2016 của UBND Thành phố	Cấp lại giấy Công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm.	- Thông tư 18/2012/TT-BNNPT NT ngày 26/4/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư 180/2011/TT-BTC ngày 14/12/2011 của Bộ Tài chính. - Quyết định số 5016/QĐ-BNN-TT, ngày 21/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
III	Lĩnh vực Bảo vệ thực vật			
7	T-HNO-265474-TT	Số 30 phụ lục kèm theo Quyết định số 5582/QĐ-UBND ngày 06/10/2016 của UBND Thành phố	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật	- Thông tư 35/2015/TT-BNN PTNT ngày 14/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư 223/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 của Bộ Tài chính.
8	T-HNO-265470-TT	Số 09 mục B phụ lục kèm theo Quyết định số 1919/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của UBND Thành phố	Cấp/ cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.	- Thông tư số 21/2015/TT-BN NPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 4307/QĐ-BNN-BVTV ngày 24/10/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.
9	T-HNO-265471-TT	Số 10 mục B phụ lục kèm theo Quyết định số 1919/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của UBND Thành phố	Cấp Giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật.	- Thông tư số 21/2015/TT-BN NPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

				<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 4307/QĐ-BNN-BVTV ngày 24/10/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.
10	BNN-HNO-287822	Số 01 phụ lục kèm theo Quyết định số 2347/QĐ-UBND ngày 16/5/2018 của UBND Thành phố	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 108/2017/ NĐ-CP, ngày 20/9/2017 của Chính phủ - Quyết định số 4441/QĐ-BNN-BVTV, ngày 31/10/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ tài chính.
11	T-HNO-285066-TT	Số 02 phụ lục kèm theo Quyết định số 2347/QĐ-UBND ngày 16/5/2018 của UBND Thành phố	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 108/2017/ NĐ-CP, ngày 20/9/2017 của Chính phủ - Quyết định số 4441/QĐ-BNN-BVTV, ngày 31/10/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ tài chính.
12	T-HNO-265474-TT	Số 03 phụ lục kèm theo Quyết định số 2347/QĐ-UBND ngày 16/5/2018 của UBND Thành phố	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 108/2017/ NĐ-CP, ngày 20/9/2017 của Chính phủ - Quyết định số 4441/QĐ-BNN-BVTV, ngày 31/10/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ tài chính.
13	T-HNO-285066-TT	Số 04 phụ lục kèm theo Quyết định số 2347/QĐ-UBND ngày 16/5/2018 của UBND Thành phố	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 108/2017/ NĐ-CP, ngày 20/9/2017 của Chính phủ - Quyết định số 4441/QĐ-BNN-BVTV, ngày 31/10/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ tài chính.
14	BNN-	Số 05 phụ lục kèm theo Quyết định	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 108/2017/ NĐ-CP, ngày

	288192	số 2347/QĐ-UBND ngày 16/5/2018 của UBND Thành phố	và đăng ký hội thảo phân bón	20/9/2017 của Chính phủ - Nghị định số 181/2013/ NĐ-CP, ngày 14/11/2013 của Chính phủ. - Quyết định số 4441/QĐ-BNN-BVTV, ngày 31/10/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
15	T-HNO-285066-TT	Số 06 phụ lục kèm theo Quyết định số 2347/QĐ-UBND ngày 16/5/2018 của UBND Thành phố	Tiếp nhận bản công bố hợp quy	- Nghị định số: 108/2017/ NĐ-CP, ngày 20/9/2017; - Thông tư 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và công nghệ. - Thông tư số 02/2017/TT-BK HCN của Bộ Khoa học và công nghệ. - Thông tư 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.
16	BNN-288192	Số 07 phụ lục kèm theo Quyết định số 2347/QĐ-UBND ngày 16/5/2018 của UBND Thành phố	Tiếp nhận bản công bố hợp quy giống cây trồng.	- Thông tư số 46/2015/TT-BNN PTN ngày 15/12/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 02/2017/TT-BKH CN ngày 31/3/2017 của Bộ Khoa học và công nghệ.
17	T-HNO-285066-TT	Số 08 phụ lục kèm theo Quyết định số 2347/QĐ-UBND ngày 16/5/2018 của UBND Thành phố	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật	- Thông tư số 21/2015/TT-BN NPTNT, ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ tài chính,
IV	Lĩnh vực Thủy lợi			
18	T-HNO-265505-TT	Số 35 phụ lục kèm theo Quyết định số 5582/QĐ-UBND ngày 06/10/2016 của UBND Thành phố	Thẩm định hồ sơ cấp phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi được quy định tại khoản 1, 2, 3, 5, 6, 7, 8, 9, 10 Điều 1 Quyết định 55/2004 /QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	- Thông tư số 09/2018/TT-BNNPTNT ngày 13/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bãi bỏ Quyết định số 55/2004 /QĐ-BNN ngày 01/11/2004
19	T-HNO-265506-TT	Số 36 phụ lục kèm theo Quyết định số 5582/QĐ-UBND ngày 06/10/2016 của UBND Thành phố	Thẩm định hồ sơ gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	- Thông tư số 09/2018/TT-BNNPTNT ngày 13/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bãi bỏ Quyết định số 55/2004

				/QĐ-BNN ngày 01/11/2004
20	T-HNO-265507-TT	Số 37 phụ lục kèm theo Quyết định số 5582/QĐ-UBND ngày 06/10/2016 của UBND Thành phố	Thẩm định hồ sơ cấp phép cho việc khai thác các hoạt động du lịch, thể thao có mục đích kinh doanh; hoạt động nghiên cứu khoa học làm ảnh hưởng đến vận hành, an toàn công trình và các hoạt động kinh doanh dịch vụ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	- Thông tư số 09/2018/TT-BNNPTNT ngày 13/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bãi bỏ Quyết định số 55/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004
21	BNN-HNO-288342	Số 01 phụ lục kèm theo Quyết định số 5628/QĐ-UBND ngày 19/10/2018 của UBND Thành phố	Cấp giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH 14 của Quốc hội; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thủy lợi; - Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
22	BNN-HNO-288350	Số 02 phụ lục kèm theo Quyết định số 5628/QĐ-UBND ngày 19/10/2018 của UBND Thành phố	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH 14 của Quốc hội; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thủy lợi; - Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
23	BNN-HNO-288337	Số 03 phụ lục kèm theo Quyết định số 5628/QĐ-UBND ngày 19/10/2018 của UBND Thành phố	Cấp lại giấy phép bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH 14 của Quốc hội; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thủy lợi; - Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
24	BNN-HNO-288338	Số 04 phụ lục kèm theo Quyết định số 5628/QĐ-UBND ngày 19/10/2018	Cấp lại giấy phép tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng,	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH 14 của Quốc hội;

		của UBND Thành phố	sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thủy lợi; - Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
V	Lĩnh vực Kiểm lâm			
25	T-HNO-265525-TT	Số 55 phụ lục kèm theo Quyết định số 5582/QĐ-UBND ngày 06/10/2016 của UBND Thành phố	Cấp giấy chứng nhận trại nuôi gấu	- Thông tư số 25/2011/TT-BNN PTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 95/2008/QĐ-BNN ngày 29/9/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
26	T-HNO-265526-TT	Số 56 phụ lục kèm theo Quyết định số 5582/QĐ-UBND ngày 06/10/2016 của UBND Thành phố	Giao nộp gấu cho nhà nước	- Thông tư số 25/2011/TT-BNN PTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 95/2008/QĐ-BNN ngày 29/9/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
27	T-HNO-265527-TT	Số 57 phụ lục kèm theo Quyết định số 5582/QĐ-UBND ngày 06/10/2016 của UBND Thành phố	Cấp giấy phép vận chuyển gấu	- Nghị định số 32/2006/NĐ-CP ngày 30/3/2006; - Quyết định số 95/2008/QĐ-BNN ngày 29/9/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
28	T-HNO-265528-TT	Số 58 phụ lục kèm theo Quyết định số 5582/QĐ-UBND ngày 06/10/2016 của UBND Thành phố	Đóng dấu búa kiểm lâm	- Quyết định số 44/2006/QĐ-BNN ngày 01/6/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Quyết định số 107/2007/QĐ-BNN ngày 31/12/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
29	T-HNO-265529-TT	Số 59 phụ lục kèm theo Quyết định số 5582/QĐ-UBND ngày 06/10/2016 của UBND Thành phố	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm theo	- Nghị định số 82/2006/NĐ-CP ngày 30/8/2006 của Chính phủ; - Nghị định số 98/2011/NĐ-CP ngày 26/10/2011 của Chính phủ;

			quy định của pháp luật Việt Nam và phụ lục II, III của CITES.	
30	T-HNO-265530-TT	Số 60 phụ lục kèm theo Quyết định số 5582/QĐ-UBND ngày 06/10/2016 của UBND Thành phố	Cấp mới/ cấp bổ sung/ cấp đổi giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại	Thông tư số 47/2012/TT-BNN PTNT ngày 25/9/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
31	T-HNO-265531-TT	Số 61 phụ lục kèm theo Quyết định số 5582/QĐ-UBND ngày 06/10/2016 của UBND Thành phố	Xác nhận của Chi cục Kiểm lâm, Hạt Kiểm lâm đối với lâm sản chưa qua chế biến có nguồn gốc từ rừng tự nhiên, nhập khẩu, sau xử lý tịch thu; lâm sản sau chế biến có nguồn gốc từ rừng tự nhiên, nhập khẩu, sau xử lý tịch thu; lâm sản vận chuyển nội bộ giữa các điểm không cùng trên địa bàn một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; động vật rừng được gây nuôi trong nước và bộ phận, dẫn xuất của chúng.	- Thông tư số 01/2012/TT-BNN PTNT ngày 04/01/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 40/2015/TT-BNN PTNT ngày 21/4/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
32	T-HNO-265532-TT	Số 62 phụ lục kèm theo Quyết định số 5582/QĐ-UBND ngày 06/10/2016 của UBND Thành phố	Xác nhận của Chi cục Kiểm lâm/Hạt Kiểm lâm đối với cây cảnh, cây bóng mát, cây cỏ thụ có nguồn gốc khai thác từ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng tự nhiên, rừng trồng tập trung; cây có nguồn gốc nhập khẩu; cây xử lý tịch thu.	- Thông tư số 01/2012/TT-BNN PTNT ngày 04/01/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 40/2015/TT-BNN PTNT ngày 21/4/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 39/2012/QĐ-TTg ngày 05/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ.
33	BNN-HNO-287760	Số 06 phụ lục kèm theo Quyết định số 6192/QĐ-UBND ngày 09/11/2016 của UBND Thành phố	Cấp giấy phép khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên vì mục đích thương mại trên các lâm phần của các chủ rừng do địa phương quản lý	Thông tư số 47/2012/TT-BNN PTNT ngày 25/9/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
34	BNN-HNO-287761	Số 07 phụ lục kèm theo Quyết định số 6192/QĐ-UBND ngày 09/11/2016 của UBND Thành phố	Cấp giấy phép khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên không vì mục đích thương mại trên các lâm phần của các chủ rừng thuộc địa phương quản lý	Thông tư số 47/2012/TT-BNN PTNT ngày 25/9/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
35	T-HNO-265623-TT	Số 13 phụ lục kèm theo Quyết định số 6192/QĐ-UBND ngày 09/11/2016	Xác nhận mẫu vật khai thác là động vật rừng thông thường.	Thông tư số 47/2012/TT-BNN PTNT ngày 25/9/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển

		của UBND Thành phố		nông thôn.
36	BNN-HNO-287690	Số 02 phụ lục kèm theo Quyết định số 8724/QĐ-UBND ngày 19/12/2017 của UBND Thành phố	Thẩm định, phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức	- Thông tư số 38/2014/TT –BNN PTNT ngày 03/11/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 15/2015/TT –BNN PTNT ngày 26/3/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
37	BNN-HNO-287853	Số 03 phụ lục kèm theo Quyết định số 8724/QĐ-UBND ngày 19/12/2017 của UBND Thành phố	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (Gồm công nhận cây trội; lâm phần tuyển chọn; rừng giống chuyên hóa; rừng giống; vườn cây đầu dòng).	- Quyết định số 89/2005/ QĐ-BNN ngày 29/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 15/2015/TT-BNNPTNT ngày 26/3/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ tài chính; - Nghị quyết số 20/2016/NQ-HĐ ND ngày 06/12/2016 của HĐND thành phố Hà Nội.
38	T-HNO-265466-TT	Số 04 phụ lục kèm theo Quyết định số 8724/QĐ-UBND ngày 19/12/2017 của UBND Thành phố	Cấp giấy chứng nhận nguồn gốc giống của lô cây con.	- Quyết định số 89/2005/ QĐ-BNN ngày 29/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 25/2011/ TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 15/2015/TT-BNNPTNT ngày 26/3/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ Tài chính.
39	T-HNO-265467-TT	Số 05 phụ lục kèm theo Quyết định số 8724/QĐ-UBND ngày 19/12/2017 của UBND Thành phố	Cấp giấy chứng nhận nguồn gốc lô giống.	- Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN ngày 29/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

				<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 25/2011/TT-BNN PTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 15/2015/TT-BNN PTNT ngày 26/3/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ tài chính;
40	T-HNO-265468-TT	Số 06 phụ lục kèm theo Quyết định số 8724/QĐ-UBND ngày 19/12/2017 của UBND Thành phố	Giao rừng, cho thuê rừng cho tổ chức.	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 38/2007/ TT-BNN ngày 25/4/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 25/2011/BNN-PTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số: 20/2016/TT-BNNPTNT ngày 27/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 15/2015/TT-BNN PTNT ngày 26/3/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
41	BNN-HNO-288249	Số 07 phụ lục kèm theo Quyết định số 8724/QĐ-UBND ngày 19/12/2017 của UBND Thành phố	Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyên sang sử dụng cho mục đích khác.	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 24/2013/ TT -BNNPTNT ngày 06/5/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 26/2015/TT-BNN PTNT ngày 29/7/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 3482/QĐ-BNN-TCLN ngày 28/8/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 15/2015/TT-BNN PTNT ngày 26/3/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
42	BNN-HNO-287982	Số 08 phụ lục kèm theo Quyết định số 8724/QĐ-UBND ngày 19/12/2017	Cấp phép khai thác chính, tận dụng, tận thu gỗ rừng trồng trong rừng phòng hộ	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 21/2016/TT-BNN PTNT ngày 28/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển

		của UBND Thành phố	của tổ chức.	nông thôn. - Thông tư số 17/2017/TT-BNN PTNT ngày 11/9/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 15/2015/TT-BNN PTNT ngày 26/3/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
43	T-HNO-265903-TT	Số 09 phụ lục kèm theo Quyết định số 8724/QĐ-UBND ngày 19/12/2017 của UBND Thành phố	Thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh/ Điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư.	+ Thông tư số 23/2016/TT-BNN PTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 15/2015/TT-BNN PTNT ngày 26/3/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. + Quyết định số 1050/QĐ-BNN-TCLN ngày 30/3/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
VI	Lĩnh vực Thú y			
44	T-HNO-265631-TT	Số 01 mục A phụ lục kèm theo Quyết định số 1919/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của UBND Thành phố	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y động vật trên cạn và thủy sản)	- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; - Quyết định số 4559/QĐ-BNN -TY ngày 03/11/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ tài chính; - Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ tài chính;
45	T-HNO-265632-TT	Số 02 mục A phụ lục kèm theo Quyết định số 1919/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của UBND Thành phố	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký)	- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; - Quyết định số 4559/QĐ-BNN -TY ngày 03/11/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 13/2016/TT-BNN PTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

				- Thông tư số 45/2014/TT-BNN PTNT ngày 14/11/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
46	T-HNO-265633-TT	Số 03 mục A phụ lục kèm theo Quyết định số 1919/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của UBND Thành phố	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	- Thông tư số 13/2016/TT-BNN PTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Quyết định số 4559/QĐ-BNN -TY ngày 03/11/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ tài chính;
47	T-HNO-265634-TT	Số 04 mục A phụ lục kèm theo Quyết định số 1919/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của UBND Thành phố	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở phải đánh giá lại	- Thông tư số 14/2016/TT-BNN PTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 4559/QĐ-BNN -TY ngày 03/11/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ tài chính;
48	T-HNO-265635-TT	Số 05 mục A phụ lục kèm theo Quyết định số 1919/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của UBND Thành phố	Cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn hoặc thủy sản).	- Quyết định số 4559/QĐ-BNN-TY ngày 03/11/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ tài chính;
49	T-HNO-265636-TT	Số 06 mục A phụ lục kèm theo Quyết định số 1919/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của UBND Thành phố	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận	- Thông tư số 14/2016/TT-BN NPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 4559/QĐ-BNN -TY ngày 03/11/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ tài chính;
50	T-HNO-265637-TT	Số 07 mục A phụ lục kèm theo Quyết định số 1919/QĐ-UBND ngày	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản)	- Thông tư số 14/2016/TT-BN NPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển

		24/3/2017 của UBND Thành phố	đôi với cơ sở có Giấy chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc do không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi được chứng nhận	nông thôn. - Quyết định số 4559/QĐ-BNN -TY ngày 03/11/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ tài chính;
51	T-HNO-265611-TT	Số 04 mục B phụ lục kèm theo Quyết định số 1919/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của UBND Thành phố	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y (động vật trên cạn và thủy sản) thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)	- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; - Quyết định số 4559/QĐ-BNN -TY ngày 03/11/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ tài chính; - Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ tài chính;
52	T-HNO-265639-TT	Số 05 mục B phụ lục kèm theo Quyết định số 1919/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của UBND Thành phố	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y:	- Thông tư số 09/2016/TT-BN NPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 4559/QĐ- BNN -TY ngày 03/11/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ tài chính;
53	T-HNO-265612-TT	Số 06 mục B phụ lục kèm theo Quyết định số 1919/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của UBND Thành phố	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y.	- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 13/2016/TT-BNN PTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Quyết định số 4559/QĐ-BNN -TY ngày 03/11/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ tài chính;

				- Thông tư số 45/2014/TT-BN NPTNT ngày 14/11/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
54	T-HNO-265615-TT	Số 07 mục B phụ lục kèm theo Quyết định số 1919/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của UBND Thành phố	Cấp / cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	- Thông tư số 14/2016/TT-BNN PTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 4559/QĐ-BNN -TY ngày 03/11/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ tài chính;
55	T-HNO-265614-TT	Số 08 mục B phụ lục kèm theo Quyết định số 1919/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của UBND Thành phố	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Quyết định số 4559/QĐ-BNN-TY ngày 03/11/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính
VII	Lĩnh vực Thủy sản			
56	T-HNO-265522-TT	Số 52 tại Quyết định số 5582/ QĐ-UBND ngày 06/10/2016 của UBND Thành phố	Cấp giấy chứng nhận lưu giữ thủy sinh vật ngoại lai.	- Luật thủy sản số 17/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội; - Nghị định 103/NĐ-CP ngày 12/9/2013 của Chính phủ; - Thông tư 53/2009/TT-BNNPTNT ngày 21/8/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
57	T-HNO-265638-TT	Số 08 mục A phụ lục kèm theo Quyết định số 1919/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của UBND Thành phố	Cấp/ cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản	- Thông tư số 14/2016/TT-BN NPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ tài chính; - Quyết định số 4559/QĐ-BNN -TY ngày 03/11/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát

				triển nông thôn.
58	T-HNO-265515-TT	Số 11 mục B phụ lục kèm theo Quyết định số 1919/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của UBND Thành phố	Đăng ký kiểm dịch động vật thủy sản sử dụng làm giống xuất phát từ cơ sở nuôi trồng thủy sản chưa được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc chưa được giám sát dịch bệnh theo quy định hoặc từ cơ sở thu gom, kinh doanh vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh.	- Quyết định số 4559/QĐ-BNN-TY ngày 03/11/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
59	T-HNO-265516-TT	Số 12 mục B phụ lục kèm theo Quyết định số 1919/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của UBND Thành phố	Đăng ký kiểm dịch động vật thủy sản sử dụng làm giống xuất phát từ các cơ sở nuôi trồng thủy sản an toàn dịch bệnh hoặc được giám sát dịch bệnh vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	- Quyết định số 4559/QĐ-BNN-TY ngày 03/11/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
60	T-HNO-265517-TT	Số 13 mục B phụ lục kèm theo Quyết định số 1919/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của UBND Thành phố	Đăng ký kiểm dịch động vật thủy sản thương phẩm xuất phát từ vùng công bố dịch vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh.	- Quyết định số 4559/QĐ-BNN-TY ngày 03/11/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
61	T-HNO-265518-TT	Số 14 mục B phụ lục kèm theo Quyết định số 1919/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của UBND Thành phố	Đăng ký kiểm dịch sản phẩm động vật thủy sản xuất phát từ vùng công bố dịch vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh.	- Quyết định số 4559/QĐ-BNN-TY ngày 03/11/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
62	T-HNO-265640-TT	Số 15 mục B phụ lục kèm theo Quyết định số 1919/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của UBND Thành phố	Cấp, gia hạn, cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y dùng cho động vật thủy sản	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 26/2016/TT-BN NPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 13/2016/TT-BN NPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
63	T-HNO-	Số 16 mục B phụ lục kèm theo	Kiểm tra chất lượng giống thủy sản nhập	- Thông tư số 26/2013/TT-BN NPTNT ngày

	265523-TT	Quyết định số 1919/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của UBND Thành phố	khâu (<i>trừ giống thủy sản bố mẹ chủ lực</i>)	22/5/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 284/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ tài chính;
64	T-HNO-265513-TT	Số 17 mục B phụ lục kèm theo Quyết định số 1919/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của UBND Thành phố	Cấp/cấp gia hạn giấy phép khai thác thủy sản.	- Luật Thủy sản số 17/2003/QH 11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội; - Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ; - Nghị định số 14/2009/NĐ-CP ngày 13/02/2009 của Chính phủ; - Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/05/2005 của Chính phủ; - Thông tư số 230/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20/3/2006 của Bộ Thủy sản.
65	T-HNO-265514-TT	Số 18 mục B phụ lục kèm theo Quyết định số 1919/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của UBND Thành phố	Cấp lại giấy phép khai thác thủy sản.	- Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ; - Nghị định số 14/2009/NĐ-CP ngày 13/02/2009 của Chính phủ; - Nghị định số 53/2012/NĐ-CP ngày 20/6/2012 của Chính phủ; - Thông tư số 230/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ tài chính; - Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20/3/2006 của Bộ Thủy sản. - Thông tư số 24/2011/TT-BN NPTNT ngày 06/04/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
66	T-HNO-265620-TT	Số 19 mục B phụ lục kèm theo Quyết định số 1919/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của UBND Thành phố	Cấp/ cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá.	- Luật thủy sản số 17/2003/QH 11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội; - Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ; - Nghị định số 14/2009/NĐ-CP ngày

				<p>13/02/2009 của Chính phủ;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ Thủy sản; - Thông tư 24/2011/TT-BNN PTNT ngày 06/04/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
67	T-HNO-265621-TT	Số 20 mục B phụ lục kèm theo Quyết định số 1919/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của UBND Thành phố	Cấp sổ danh bạ thuyền viên tàu cá.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật thủy sản số 17/2003/QH 11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội; - Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 4/5/2005 của Chính phủ; - Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ; - Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ Thủy sản; - Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20/3/2006 của Bộ Thủy sản; - Thông tư số 24/2011/TT-BNN PTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
68	T-HNO-265622-TT	Số 21 mục B phụ lục kèm theo Quyết định số 1919/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của UBND Thành phố	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cải hoán.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật thủy sản số 17/2003/QH 11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội; - Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ; - Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ Thủy sản; - Thông tư số 24/2011/TT-BNN PTNT ngày 06/04/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
69	T-HNO-265524-TT	Số 22 mục B phụ lục kèm theo Quyết định số 1919/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của UBND Thành phố	Cấp giấy chứng nhận bè cá.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật thủy sản số 17/2003/ QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội; - Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ; - Nghị định số 14/2009/NĐ-CP ngày 13/02/2009 của Chính phủ;

				<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 103/2013/NĐ-CP ngày 12/9/2013 của Chính phủ; - Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ Thủy sản; - Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20/3/2006 của Bộ Thủy sản; - Thông tư số 24/2011/TT-BNN PTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 16/2015/TT-BNN PTNT ngày 10/5/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
VIII Lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản				
70	T-HNO-265533-TT	Số 1 mục B phụ lục kèm theo Quyết định số 1919/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của UBND Thành phố	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (cấp mới; cấp lại khi sắp hết hạn; cấp lại trong trường hợp thay đổi, bổ sung địa điểm sản xuất kinh doanh; bổ sung ngành nghề kinh doanh).	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 45/2014/TT-BNN PTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ tài chính; - Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018
71	T-HNO-265534-TT	Số 2 mục B phụ lục kèm theo Quyết định số 1919/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của UBND Thành phố	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (Trường hợp Giấy chứng nhận vẫn còn hiệu lực nhưng bị mất, hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận. Riêng trường hợp thay đổi, bổ sung địa điểm sản xuất kinh doanh; bổ sung ngành nghề kinh doanh thì thực hiện theo trình tự thủ tục cấp	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 15/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 45/2014/TT-BN NPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định 2316/QĐ-BNN-QL CL ngày 10/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

			mới).	
72	T-HNO-265535-TT	Số 03 mục B phụ lục kèm theo Quyết định số 1919/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của UBND Thành phố	Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm.	Nghị định 123/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ
73	B-BNN-287744-TT	Số 09 phụ lục kèm theo Quyết định số 2347/QĐ-UBND ngày 16/5/2018 của UBND Thành phố	Kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm muối nhập khẩu	- Quyết định số 517/QĐ-BNN-KTHT, ngày 7/2/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 27/2017/TT-BN NPTNT, ngày 25/12/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
C	Thủ tục hành chính cấp huyện			
1	BNN-288275	Số 66 phụ lục kèm theo Quyết định số 5582/QĐ-UBND ngày 06/10/2016 của UBND Thành phố	Giao rừng, cho thuê rừng cho hộ gia đình, cá nhân và giao rừng cho cộng đồng dân cư thôn.	- Thông tư số 20/2016/TT-BNNPTNT ngày 27/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 38/2007/TT-BNN ngày 25/4/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
2	BNN-287807	Số 67 phụ lục kèm theo Quyết định số 5582/QĐ-UBND ngày 06/10/2016 của UBND Thành phố	Cải tạo rừng đối với hộ gia đình, cá nhân	- Thông tư số 99/2006/TT-BNN ngày 6/11/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 25/2011/TT-BN NPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
3		Số 72 phụ lục kèm theo Quyết định số 5582/QĐ-UBND ngày 06/10/2016 của UBND Thành phố	Xác nhận đăng ký xã đạt chuẩn nông thôn mới	Quyết định số 1090/QĐ-BNN-VPĐP ngày 26/3/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
4	T-HNO-265903-TT	Số 01 phụ lục kèm theo Quyết định số 3580/QĐ-UBND ngày 13/6/2017 của UBND Thành phố	Thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh/ Điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, UBND cấp xã quyết định đầu tư	- Luật đầu tư công số 49/2014/ QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội. - Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 3/3/2006 của Chính phủ; - Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 23/2016/TT-BNN PTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển

				nông thôn. - Quyết định số 1050/QĐ-BNN-TCLN ngày 30/3/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
D	Thủ tục hành chính cấp xã			
1		Số 73 phụ lục kèm theo Quyết định số 5582/QĐ-UBND ngày 06/10/2016 của UBND Thành phố	Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với lâm sản chưa qua chế biến có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên (<i>của cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân</i>).	- Thông tư số 01/2012/TT-BNN PTNT ngày 04/01/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.; - Thông tư số 40/2015/TT-BNN PTNT ngày 21/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.;
2		Số 74 phụ lục kèm theo Quyết định số 5582/QĐ-UBND ngày 06/10/2016 của UBND Thành phố	Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ có nguồn gốc khai thác từ vườn, trang trại, cây trồng phân tán của tổ chức; cây có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên, rừng trồng tập trung, vườn nhà, trang trại, cây phân tán của cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân.	- Quyết định số 39/2012/QĐ-TTg ngày 05/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ; - Quyết định số 36/QĐ-BNN-TCKL ngày 07/01/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
3		Số 75 phụ lục kèm theo Quyết định số 5582/QĐ-UBND ngày 06/10/2016 của UBND Thành phố	Xác nhận hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật.	Nghị định 123/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ bãi bỏ Thông tư số 48/2015/TT-BNNPTNT ngày 16/12/2015

